



## TRUYỆN THƠ QUỐC NGŨ NAM KỲ: LỊCH SỬ SƯU TẦM, GIỚI THIỆU VÀ NGHIÊN CỨU

*Dương Mỹ Thắm\**

*Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn - Trường Đại học Văn Hiến*

*Ngày nhận bài: 06-10-2017; ngày nhận bài sửa: 07-11-2017; ngày duyệt đăng: 30-11-2017*

### TÓM TẮT

*Truyện thơ Quốc ngữ là một bộ phận trong mảng văn học Quốc ngữ Nam Kỳ, có ý nghĩa rất lớn đối với người dân Nam Kỳ lục tỉnh. Hiện nay, loại truyện thơ này còn lưu trữ không nhiều. Bài viết này tổng hợp ý kiến của các thế hệ đi trước và đưa ra một vài nhận xét về quá trình sưu tầm, giới thiệu và nghiên cứu truyện thơ Quốc ngữ Nam Kỳ.*

*Từ khóa:* truyện thơ, Quốc ngữ, Nam Kỳ.

### ABSTRACT

*Narrative poetry written in Vietnamese Romanized script in Cochinchina:*

*History of collection, introduction and research*

*Narrative poetry written in Vietnamese Romanized script was a part of Vietnamese Romanized literature in Cochinchina and had a huge significance to the people of the six southern provinces. Currently, little of this narrative poetry is preserved. Within the scope of this paper, the viewpoints of previous researchers are synthesized, and then the author's positions on the collection, introduction and research of the verse-narrative are presented.*

*Keywords:* verse-narrative, Vietnamese Romanized script, Southern Vietnam..

### 1. Đặt vấn đề

Truyện thơ Quốc ngữ là một bộ phận trong mảng văn học Quốc ngữ Nam Kỳ, có ý nghĩa rất lớn đối với người dân Nam Kỳ lục tỉnh. Nội dung truyện thơ gửi gắm đến người đọc nhiều bài học đạo lý. Đàn bà, con gái thì đọc truyện thơ để học đức hạnh kiên trinh, đàn ông thì noi theo gương anh hùng tiết nghĩa. Đặc biệt, học trò xem truyện thơ là một phương tiện để học chữ Quốc ngữ, nhờ đọc truyện thơ mà sử dụng nhuần nhuyễn phương ngôn, tục ngữ, học được cái tinh hoa của tiếng mẹ đẻ. Truyện thơ Quốc ngữ Nam Kỳ kế thừa rất nhiều từ truyện thơ Nôm. Ngoài việc thừa hưởng tất cả những tinh hoa của thể loại truyện thơ Nôm, các tác giả truyện thơ Quốc ngữ còn sáng tạo nên những nét đặc sắc riêng. Đóng góp lớn nhất của họ là sáng tác nên những “bản thơ” thời sự, “thơ hậu”, “thơ mới” tạo nên nét đặc trưng riêng cho loại hình văn chương này. Không chỉ kể chuyện, họ còn bắt đầu quan tâm đến tâm lí nhân vật và đã có những kết thúc khác với motif chung của “bản cũ”.

\* Email: mythamduong@gmail.com

Tuy nhiên, do nhu cầu thưởng thức của người dân thay đổi từ văn vần sang văn xuôi, từ sự hào hứng với những câu chuyện đạo lý, sự hấp dẫn bởi những yếu tố thần kì của truyện thơ Quốc ngữ, họ chuyển niềm say mê sang truyện ngắn, tiểu thuyết tình cảm. Bên cạnh đó, nhiều hình thức nghệ thuật hấp dẫn ra đời như vọng cổ, cải lương đã dần chiếm chỗ của phong trào nói thơ. Từ thập niên 40 của thế kỉ XX, truyện thơ Quốc ngữ không còn được xuất bản, tái bản với số lượng lớn như thời kì đầu thế kỉ; hình thức diễn xướng nói thơ cũng dần bị mai một. Về sau, ít ai còn lưu giữ loại truyện thơ này. Những hoạt động sưu tầm, giới thiệu và nghiên cứu truyện thơ Quốc ngữ Nam Kỳ còn hạn chế nên ngày nay không nhiều người biết đến thể loại này hoặc hiểu nhầm là bản phiên âm truyện thơ Nôm. Trong phạm vi bài viết này, chúng tôi tổng hợp ý kiến của các thế hệ đi trước và đưa ra một vài nhận xét riêng về truyện thơ Quốc ngữ Nam Kỳ.

## 2. Lịch sử nghiên cứu truyện thơ Quốc ngữ Nam Kỳ

### 2.1. Trước năm 1975

Từ những năm đầu thế kỉ XX đến năm 1945 là thời kì thịnh hành truyện thơ Quốc ngữ Nam Kỳ. Truyện thơ được xuất bản, tái bản rầm rộ và được người dân Nam Kỳ đón nhận nồng nhiệt. Tuy nhiên, chúng tôi chưa tìm thấy một công trình, bài viết nào trong giai đoạn này nghiên cứu về truyện thơ Quốc ngữ Nam Kỳ. Duy nhất có tác phẩm *Nam Kỳ phong tục nhơn vật điển ca* của Nguyễn Liên Phong có nhắc đến các nhân vật chính trong truyện thơ *Thầy Thông Chánh* và *Sáu Trọng*. Theo ông, nhân vật thầy Thông Chánh và Sáu Trọng là hai tội phạm giết người, cần phải bị pháp luật “xử tử phân minh răn người”, càng không đáng được ca ngợi như những bậc anh hùng. Xuất phát từ tư tưởng đó nên Nguyễn Liên Phong cho rằng việc sáng tác và lưu truyền thơ *Thầy Thông Chánh*, thơ *Sáu Trọng* là “đặt về tâm bậy điên khùng”.

*Lắm người không xét đục trong,*

*Đặt về tâm bậy điên khùng bia danh.*

(Nguyễn Liên Phong, 1909, tr.80)

Thực tế khảo sát văn bản, chúng tôi nhận thấy trên trang bìa có in rõ tên tác phẩm là *Sáu Trọng thơ*, chứng tỏ những người đặt thơ và chịu trách nhiệm xuất bản tác phẩm họ khẳng định đây là thơ (truyện thơ) chứ không phải về. Điều này cho thấy từ khi mới xuất hiện, loại truyện thơ thời sự này đã có sự nhập nhằng trong việc xác định tên gọi.

Đến thập niên 60, việc nghiên cứu truyện thơ Quốc ngữ Nam Kỳ mới được các nhà nghiên cứu đề cập nhưng chỉ dừng lại ở những bài viết riêng lẻ, hoặc một phần nhỏ trong những công trình nghiên cứu về văn học Nam Kỳ.

Năm 1967, trong tập biên khảo *Nói về miền Nam*, Sơn Nam dành vài dòng ghi nhận giá trị của bốn thơ *Sáu Trọng*: “*Thơ Sáu Trọng* được truyền tụng, ngoài ý muốn của thực dân Pháp, đã trở thành một loại ca dao, xứng đáng nêu trong bảng liệt kê văn chương bình dân, xứng đáng được ghi trong chương trình Việt văn” (Sơn Nam, 1967, tr.79). Ở đây, Sơn Nam đồng nhất khái niệm ca dao với dân ca và gọi thơ *Sáu Trọng* là một loại ca dao. Tác

giả cho rằng hình thức diễn xướng “nói thơ” là biểu hiện của cách “ăn nói văn hoa của Nam Kỳ lục tỉnh”; “tiếng độc huyền và thơ *Sáu Trọng* là dân nhạc, dân ca miền Nam” (Sơn Nam, 1967, tr.80). Nhờ đó, tuy bị thực dân Pháp cấm đoán nhưng những bản thơ như *Sáu Trọng*, *Thầy Thông Chánh* vẫn được lưu truyền trong nhân dân theo cách riêng của nó. Dựa vào đặc điểm này, có thể nói hình thức diễn xướng nói thơ đã góp phần nuôi sống truyện thơ Quốc ngữ Nam Kỳ.

Năm 1971, Sơn Nam có tập sách biên khảo *Miền Nam đầu thế kỉ XX: Thiên Địa Hội và cuộc Minh Tân*<sup>1</sup>. Trong công trình này, tác giả đã đề cập hai bản thơ *Sáu Trọng* và *Thầy Thông Chánh*: “*Sáu Trọng* và *thầy Thông Chánh* là hai anh hùng cá nhân, không phải là người của Thiên Địa Hội nhưng được người đời nhắc nhở đến mức mà thực dân Pháp hoảng sợ, cấm lưu hành hai áng thơ bình dân ấy” (Sơn Nam, 2015, tr.166). Cùng với “ca dao”, ở đây Sơn Nam gọi truyện thơ Quốc ngữ là “thơ bình dân”, ông cho rằng hai bản thơ này được nói thơ phổ biến nơi công cộng, người không biết chữ cũng thuộc lòng vài đoạn.

Sơn Nam ra mắt độc giả tập biên khảo *Cá tính miền Nam*<sup>2</sup> vào năm 1974. Ông nhận xét về nội dung của thơ trong giai đoạn này “theo nguyên tắc căn bản là phải “có hậu” tức là ân thì đền, oán thì trả, người nịnh về sau bị bại lộ chân tướng, người trung mắc hàm oan được thẳng thắn ở hồi kết cuộc” (Sơn Nam, 2014, tr.197). Tác giả cũng sơ lược “vài cuốn thơ khiến nhà cầm quyền Pháp lưu ý và cấm lưu hành: *Thơ Văn Doan*, *Thầy Thông Chánh*, *Thơ Năm Ty*, *Thơ Sáu Nhỏ*... Những nhân vật chính trong thơ đều có “gan ruột”, có “nghĩa khí” nếu kiếp này chưa được mãn nguyện thì kiếp sau họ cũng được đền bù” (Sơn Nam, 2014, tr.197).

Cùng năm 1974, trong bài viết “Hai tập thơ bình dân đã làm rung rinh chế độ thực dân miền Nam vào đầu thế kỉ XX” đăng trên Tạp chí *Bách khoa*, Phạm Long Điền đã rất tự hào khẳng định: Thơ *Thầy Thông Chánh* và thơ *Sáu Trọng* ra đời như hai tia lửa báo hiệu sự đoạn tuyệt của quần chúng Việt Nam đối với di sản văn hóa bắt nguồn từ Trung Hoa (Phạm Long Điền, 1974, tr.25).

Cũng vào năm 1974, nhà nghiên cứu Nguyễn Văn Hào có bài viết “Thơ trong phong trào nói thơ miền Nam có một số tác phẩm mang tính chất đối kháng” đăng Tạp chí *Bách Khoa*. Sau 30 năm, vào năm 2004, nội dung bài viết đã được tác giả đưa vào công trình nghiên cứu *Điện mạo văn học dân gian Nam Bộ* (2 tập) và dành riêng một mục gần 20 trang, nói về “Thơ” (Nguyễn Văn Hào, 2004, tr.95). Ông cho rằng: “Các bản thơ phổ biến trong dân gian thể hiện theo “ba khuynh hướng rõ ràng: khuynh hướng tải đạo, khuynh hướng tả thực và khuynh hướng đối kháng.” (Nguyễn Văn Hào, 2004, tr.109). Bài viết còn đề cập “tính chất bình dân của các bản thơ” và “ý hướng sáng tác thơ bình dân”; giúp chúng ta có cái nhìn khái quát về truyện thơ Quốc ngữ Nam Kỳ, làm tiền đề cho những nghiên cứu tiếp theo.

Trước năm 1975, ở Nam Kỳ có ba nhà nghiên cứu quan tâm đến truyện thơ Quốc ngữ là Sơn Nam, Phạm Long Điền và Nguyễn Văn Hào. Họ có chung niềm yêu thích đối

với các truyện thơ thời sự và đều xem loại hình văn chương này là “thơ bình dân”. Giai đoạn này, ở miền Bắc, các nhà nghiên cứu văn học Dương Quảng Hàm, Bùi Văn Nguyên, Nguyễn Hồng Phong, Lê Hoài Nam, Đặng Thanh Lê, Nguyễn Lộc có nhiều công trình viết về thể loại truyện thơ Nôm nhưng không có công trình, bài viết nào sâu sắc, giới thiệu và nghiên cứu truyện thơ Quốc ngữ Nam Kỳ. Nguyên nhân chính là do điều kiện tiếp xúc truyện thơ Quốc ngữ Nam Kỳ của các nhà nghiên cứu ở miền Bắc có phần hạn chế hơn so với các nhà nghiên cứu miền Nam. Bởi bản thân tác phẩm tồn tại và phát triển cùng với hình thức diễn xướng nói thơ – một loại hình văn nghệ dân gian ở Nam Kỳ, nên dù biết chữ hay không biết chữ, người Nam Kỳ cũng sẽ dễ dàng biết đến truyện thơ Quốc ngữ. Ở miền Bắc, môi trường sinh hoạt và thị hiếu thưởng thức văn hóa, văn nghệ khác miền Nam nên truyện thơ Quốc ngữ Nam Kỳ không được ưa chuộng. Thậm chí, nhà nghiên cứu Đặng Thai Mai trong *Văn thơ cách mạng Việt Nam đầu thế kỉ XX (1900-1925)* gọi các truyện thơ thời sự là “văn kể chuyện, thể lục bát” (Đặng Thai Mai, 1974, tr.40).

Năm 1974, khi biên soạn *Tìm hiểu tiến trình văn học dân gian Việt Nam*<sup>3</sup>, nhà nghiên cứu Cao Huy Đình đã gọi các tác phẩm “*Thông Chánh, Sáu Trọng, Câu Hai Miêng [Miên]* in năm 1890 ở Sài Gòn” là những “bài vè” (Cao Huy Đình, 1998, tr.211). Trước đây trong *Nam Kỳ phong tục như vật diễn ca*, Nguyễn Liên Phong từng gọi thơ *Thầy Thông Chánh*, thơ *Sáu Trọng* là vè và xem việc sáng tác các truyện thơ này là “đặt vè tầm bậy điên khùng”, là việc “nực cười”. Cùng cách gọi là vè, nhưng Cao Huy Đình lại xem những “bài vè” này là “pho sừ sống”. Từ góc nhìn của nhà nghiên cứu văn học dân gian, ông cho rằng những tác phẩm này “do nhiều người thuộc nhiều thành phần trong xã hội sáng tác, hoặc người quen cây cuốc trong lũy tre xanh, hoặc anh hát xẩm nói thơ trên đường phố, hoặc ông đồ nghèo, ông tú xuất thân bình dân lại có cả nhà sư yêu nước thức thời. Pho sừ ấy ngay từ buổi đầu đã có bản được chép, có đoạn được in, nhưng đều bị thực dân Pháp tịch thu ngay” (Cao Huy Đình, 1998, tr.211). Hầu hết nội dung các truyện này đều ghi trong óc, cất trong trí nhớ và truyền đi bằng miệng qua lời hát, cách kể, lối nói của từng địa phương. “Và như vậy, dù cho bọn thực dân, bọn quan lại có cấm đoán, lời thơ của nhân dân vẫn cất cao bay bổng. Nó tươi tắn, chân chất như cuộc sống, nóng hổi và cuộn cuộn, hấp dẫn mọi người. Ai cũng muốn kể, ai cũng muốn biết, ai cũng muốn truyền...” (Cao Huy Đình, 1998, tr.211).

## 2.2. Từ năm 1975 đến nay

Từ bài viết của Nguyễn Văn Hậu đăng trên Tạp chí *Bách Khoa* năm 1974, suốt 9 năm sau đó, chúng tôi không tìm thấy công trình nào của các nhà nghiên cứu miền Nam viết về truyện thơ Quốc ngữ Nam Kỳ. Đến năm 1983, nhóm tác giả Lưu Nhất Vũ, Lê Giang đã có chuyên khảo *Tìm hiểu dân ca Nam Bộ*. Trong phần viết về loại hình diễn xướng nói thơ, nhóm tác giả cho rằng “hàng loạt truyện thơ ra đời như thơ *Sáu Trọng*, thơ *Thầy Thông Chánh*, thơ *Hai Miêng [Miên]*, thơ *Năm Ty*, thơ *Sáu Nhỏ*... đã phản ánh cuộc sống

xã hội đương thời, phê phán chế độ thực dân phong kiến” (Lư Nhất Vũ, Lê Giang, 1983, tr.123).

Năm 1985, Sơn Nam ra mắt tập biên khảo *Đồng bằng sông Cửu Long – Nét sinh hoạt xưa*<sup>4</sup>. Tác giả cho rằng: “Phong trào nói thơ phổ biến rộng, người mù đờn độc huyền, đờn cò ngồi đầu cầu, bên đò, khi chợ đang nhóm đã thu hút khá đông người với đề tài thơ *Thầy Thông Chánh, Cậu Hai Miên...* Các tập thơ này ít trang, giá rẻ, tái bản nhiều lần, số lượng chẳng ai phỏng đoán được, lần lượt hẳn các đề tài khác” (Sơn Nam, 2014, tr.104). Từ nhận định này, có thể thấy, nói thơ đã góp phần rất lớn giúp truyện thơ Quốc ngữ Nam Kỳ được nhiều người biết đến; ngược lại, truyện thơ Quốc ngữ cũng đã “tiếp sức” cho phong trào nói thơ phát triển mạnh mẽ hơn.

Đến năm 1988, trong *Văn học Nam Bộ từ đầu đến giữa thế kỉ XX (1900-1954)*, tập thể tác giả Hoài Anh, Thành Nguyên, Hồ Sĩ Hiệp đã nhận định: những truyện thơ trong thời kì này đều có những chi tiết thể hiện hành động chống lại thực dân Pháp và tay sai của nhân dân Nam Bộ (Hoài Anh, Thành Nguyên, Hồ Sĩ Hiệp, 1988, tr.13).

Năm 1990, trong *Tiến trình văn nghệ miền Nam*<sup>5</sup> Nguyễn Q. Thắng đã giới thiệu sơ lược thể loại “truyện thơ” miền Nam: “Truyện thơ có nhân vật, có hành động, có cá tính, tâm lí và các sự kiện xảy ra liên tục cho đến hồi kết cuộc” (Nguyễn Q. Thắng, 1998, tr.214). Khác với các nhà nghiên cứu trước đó, tác giả gọi truyện thơ Quốc ngữ là truyện hoặc truyện thơ chứ không phải là thơ “vì mục đích của nó là nhằm trình bày một câu chuyện có tình tiết, có lớp lang, có tính cách câu chuyện” (Nguyễn Q. Thắng, 1998, tr.212). Theo tác giả, truyện thơ được tiếp nhận một cách say mê là nhờ vào nội dung lành mạnh, mang tính đạo lí, giáo dục và thời sự.

Đến năm 1998, trong công trình *Về Nam Bộ*, nhà nghiên cứu Huỳnh Ngọc Trảng cho rằng: những tác phẩm thơ lịch sử xã hội này chưa thực sự mang đầy đủ đặc tính của loại truyện thơ, xem nhẹ việc miêu tả tình huống, cảnh ngộ và tâm trạng nhân vật; nổi bật tính chất tường thuật tỉ mỉ, tính thời sự, tính xác thực về người thật việc thật nên “đáng được xếp loại vào về hơn là truyện thơ” (Huỳnh Ngọc Trảng, 2006, tr.10). Huỳnh Ngọc Trảng đã trích dẫn và đồng tình với ý kiến của Nguyễn Liên Phong gọi các bản thơ thời sự là về. Nhưng cũng trong công trình này, ở phần phụ lục ông gọi các bản thơ thời sự là “thơ lịch sử xã hội”. Ông xác định các bản thơ này gần với thể loại về hơn, nhưng ông vẫn gọi chúng là thơ vì gọi theo thói quen phổ biến ở Nam Kỳ. Ông lí giải: “Tuy được gọi là thơ nhưng những tác phẩm này chưa thực sự mang đầy đủ đặc tính của loại truyện thơ” vì “tính thời sự, tính tài liệu xác thực, tính chỉ định về thời gian và tên người cụ thể đã làm cho chúng gần với về hơn” (Huỳnh Ngọc Trảng, 2006, tr.510). Huỳnh Ngọc Trảng đã hiểu “thơ” (truyện thơ Quốc ngữ Nam Kỳ) với nghĩa hẹp, gần như đồng nhất với các đặc điểm của truyện thơ Nôm. Vì thế ông chỉ chấp nhận các tác phẩm như: *Phạm Công Cúc Hoa, Lâm Sanh Xuân Nương, Thoại Khanh Châu Tuấn, Lục Vân Tiên* là thơ.

Nguyễn Văn Sâm là một trong những nhà nghiên cứu nhiều công trình, bài viết sưu tầm, giới thiệu và nghiên cứu truyện thơ Quốc ngữ Nam Kỳ. Ông không chỉ hiểu biết sâu rộng mà còn yêu thích đặc biệt đối với loại “truyện thơ bình dân” này. Ông gọi truyện thơ Quốc ngữ Nam Kỳ là truyện thơ bình dân “vì người viết không cần tra cứu chuốt câu thơ, miễn có vần có điệu là được. Ý quan trọng hơn lời, từng câu thơ quan trọng hơn từng chữ một, đặc biệt điển tích bắt chước theo Trung Quốc gần như vắng bóng” (Nguyễn Văn Sâm, 2009, tr.1).

Về tên gọi, chúng tôi xác định truyện thơ Quốc ngữ Nam Kỳ là thơ, được viết bằng chữ Quốc ngữ, chủ yếu sử dụng thể thơ lục bát, xuất bản ở Sài Gòn và các vùng phụ cận từ cuối thế kỉ XIX đến giữa thế kỉ XX. Truyện có tác giả, được sáng tác (và có khi viết nối thêm theo hình thức thơ “hậu”) dựa vào truyện dân gian Việt Nam, truyện thơ Nôm, tuồng, tích Trung Quốc, truyền thuyết Phật giáo và sự kiện có thực ở Nam Kỳ. Theo đó, những bản thơ thời sự là một bộ phận không thể thiếu của truyện thơ Quốc ngữ Nam Kỳ. Loại thơ thời sự này góp phần kéo dài thời kì thịnh hành truyện thơ Quốc ngữ Nam Kỳ. Dựa vào tư liệu, có thể thấy, thơ *Sáu Trọng* được tái bản lần thứ 12, là một trong số ít tác phẩm tái bản trên 10 lần và chỉ đứng sau thơ *Lục Vân Tiên* về số lần tái bản. Về số lượng bản in ở mỗi lần xuất bản và tái bản, thông thường truyện thơ Quốc ngữ Nam Kỳ được in với số lượng 2000 bản, thơ *Cậu Hai Miên* là tác phẩm duy nhất được in 5000 bản ở lần tái bản thứ 3. Những bản thơ thời sự đã tạo nên nét đặc sắc riêng cho loại hình văn chương này.

Sau năm 1975, truyện thơ Quốc ngữ Nam Kỳ hầu như biến mất trên thị trường chữ nghĩa lúc bấy giờ. Ở miền Nam, các nhà nghiên cứu tỏ ra luyến tiếc một loại hình văn chương đã mất, nhiều người bắt đầu công việc sưu tầm, giới thiệu tác phẩm truyện thơ Quốc ngữ và đã đạt được một số kết quả đáng trân trọng.

Tuy nhiên, các nghiên cứu miền Bắc vẫn chưa quan tâm đến loại hình văn chương này, có chăng chỉ là sự đề cập thoáng qua như Kiều Thu Hoạch trong *Truyện Nôm - lịch sử phát triển và thi pháp thể loại*. Tác giả cho rằng “Ở miền Nam, ngay từ cuối thế kỉ XIX, khoảng từ năm 1875 đến năm 1889, Trương Vĩnh Ký đã phiên âm và xuất bản ở Sài Gòn một số truyện Nôm như *Lục Vân Tiên*, *Phan Trần*, *Truyện Kiều*, *Lục súc tranh công*... Sang những năm đầu thế kỉ XX, Đặng Lễ Nghi, Khấu Võ Nghi... tiếp tục phiên âm và xuất bản ở Sài Gòn nhiều truyện Nôm khác” (Kiều Thu Hoạch, 2007, tr.11).

### 3. Sưu tầm và giới thiệu tác phẩm

Hoạt động sưu tầm và giới thiệu tác phẩm luôn gắn liền với việc nghiên cứu truyện thơ Quốc ngữ Nam Kỳ. Trong nhiều công trình đề cập “thơ bình dân” Sơn Nam đều liệt kê danh mục, tóm tắt tác phẩm rồi phân tích có ví dụ minh họa cụ thể. Vì vậy, ở nội dung này, chúng tôi không nhắc lại những công trình nghiên cứu đã nêu, chỉ tập trung những công trình, bài viết giới thiệu danh mục, tóm tắt tác phẩm, đặc biệt giới thiệu toàn văn truyện thơ Quốc ngữ Nam Kỳ.

Năm 1992, Bằng Giang mở đầu công việc sưu tầm và giới thiệu tác phẩm truyện thơ Quốc ngữ Nam Kỳ trong phần “tác giả và tác phẩm” của công trình *Văn học Quốc ngữ ở Nam Kỳ 1865-1930*. Ông đã giới thiệu danh mục những tác phẩm truyện thơ Quốc ngữ do Huỳnh [Huỳnh] Tịnh Của biên soạn. Đến nay, chúng tôi đã sưu tầm được 7 trong số 9 tác phẩm của Huỳnh Tịnh Của, 2 tác phẩm *Trần Sanh diễn ca* và *Bạch Viên Tôn Các truyện* chưa có dịp tiếp xúc. Chúng tôi rất mong muốn trong thời gian tới sẽ có thể sưu tầm đầy đủ hai tác phẩm còn lại này. Về *Bạch Viên Tôn Các*, hiện tại, chúng tôi sưu tầm được 5 ấn phẩm của các tác giả Đặng Lễ Nghi, Nguyễn Kim Đỉnh và Khấu Võ Nghi; trong đó, xuất hiện sớm nhất là tác phẩm của Đặng Lễ Nghi, tái bản lần thứ 3, năm 1928. Đặng Lễ Nghi cũng là một tác giả có nhiều cống hiến cho thể loại truyện thơ Quốc ngữ. Bằng Giang cũng đã rất công phu thống kê danh mục gần 30 truyện thơ Quốc ngữ do Đặng Lễ Nghi biên soạn (Bằng Giang, 1992, tr.141-161). Và thật may mắn, chúng tôi đã sưu tầm đầy đủ tác phẩm của Đặng Lễ Nghi và sẽ giới thiệu trong thời gian tới.

Cùng năm 1998, Nguyễn Hữu Hiệp và Lê Minh Quốc sưu tầm và giới thiệu *Thơ Thầy Thông Chánh, Sáu Trọng, Hai Miêng [Miên] lưu hành tại Nam Kỳ đầu thế kỉ XX*. Về *Thơ Thầy Thông Chánh*, Nguyễn Hữu Hiệp sưu tầm được văn bản nói thơ do bà Đào Thị Mười ở Long An diễn xướng chứ không tìm thấy tập thơ được nhà xuất bản in. Hai tác phẩm còn lại, nhóm tác giả đều sưu tầm được bản in. *Thơ Câu Hai Miên* bị mất trang bìa chính, chỉ còn thông tin tác giả Vạn Phước dit [gọi là] Nguyễn Bá Thời trên bìa phụ. So với hai tác phẩm kể trên, bản in *Sáu Trọng thơ* là còn đầy đủ thông tin nhất nhưng vẫn không thấy nhắc đến năm xuất bản, chỉ biết nhà in Bảo Tồn in lần thứ 6, giá bán 30 xu và do Nguyễn Kim Đỉnh dịch.

Nghiên cứu đề tài này, chúng tôi đã tìm kiếm, sưu tầm tác phẩm từ nhiều nguồn, kết quả sưu tầm được khoảng 200 tác phẩm. *Thơ Sáu Trọng* và *Câu Hai Miên* chúng tôi đều có từ 3 đến 5 văn bản nhưng đến nay vẫn chưa tìm được văn bản *Thơ Thầy Thông Chánh*. Trên các trang quảng cáo giới thiệu sách của các nhà in thời đó cũng không tìm thấy tên tác phẩm này. Phải chăng tác phẩm chỉ được lưu truyền bằng hình thức diễn xướng “nói thơ” chứ chưa từng được xuất bản vì nội dung không phục vụ mục đích chính trị nên không qua được kiểm duyệt của thực dân Pháp.

Trong phần phụ lục của công trình *Về Nam Bộ*, nhà nghiên cứu Huỳnh Ngọc Trảng đã giới thiệu truyện thơ *Thầy Thông Chánh* do tác giả sưu tầm từ “ông Lê Quang Năm ở Hưng Phong, Giồng Trôm, Bến Tre kê” (Huỳnh Ngọc Trảng, 2006, tr.510).

Năm 2006, trong bài viết “Chàng Nhái – Chấn Tinh: Tàn mạn về một truyện thơ ở đồng bằng Cửu Long”, Nguyễn Văn Sâm giới thiệu tóm tắt nội dung của hai truyện thơ Quốc ngữ *Chàng Nhái Kiến Tiên*, *Hậu Chàng Nhái* và lí giải về sự xuất hiện của thơ hậu. Theo ông, thơ hậu với “ngày nay là chuyện lạ, không thể xảy ra được vì không ai lại viết tiếp theo tác phẩm của người khác để công trình mình nằm nép kế theo công trình của người trước, nhưng với thời xưa, đó là chuyện bình thường vì người ta thường coi tác phẩm là của chung về mặt tinh thần nên họ sửa đổi, mô phỏng để cải biên thành thể loại

khác hay viết tiếp theo một cách thoải mái, không có vấn đề gì” (Nguyễn Văn Sâm, 2006, tr.2). Ông coi “truyện thơ và “hậu” là một toàn thể của một tác phẩm hoàn chỉnh, và tất cả các truyện thơ này hợp thành quần thể tôi gọi chung là truyện thơ bình dân Miền Nam” (Nguyễn Văn Sâm, 2006, tr.2).

Đến năm 2009, Nguyễn Văn Sâm có giới thiệu và sơ chú “Thơ bình dân Trương Ngáo hay Người đi đòi nợ Phậ” của Trương Minh Tự. Theo ông: “*Thơ Trương Ngáo* cùng với hơn trăm quyển thơ bình dân khác kéo dài mấy chục năm đầu thế kỉ XX đã tạo nên sắc thái văn học bình dân miền Nam mà những giai đoạn khác không thể có. Sự đóng góp của những tác giả bốn cũ soạn lại vì vậy phải được vinh danh, không thể bị coi thường, bỏ qua như từ trước đến giờ” (Nguyễn Văn Sâm, 2009, tr.3). Văn bản thơ *Trương Ngáo* mà Nguyễn Văn Sâm giới thiệu là bản đánh máy lại theo nguyên bản của nhà in Phạm Đình Khương, không sửa lỗi chính tả, giữ lại cách viết cũ. Đây là tư liệu quý mà chúng tôi sử dụng để nghiên cứu trong thời gian chưa sưu tầm được ấn phẩm gốc.

Năm 2012, ngoài việc sưu tầm và giới thiệu kiệt tác Nôm miền Trung thế kỉ XVIII là thơ tuồng *Chàng Lia – Vãn Doan*, nhà nghiên cứu Nguyễn Văn Sâm còn giới thiệu đến độc giả tên một vài tác phẩm thơ tuồng Quốc ngữ mà ông đã sưu tầm được, như: *Thơ Trương Ngáo*, *Trương Ngô diễn ca*, *Làng Châu toàn truyện*, *Trần Đại Lang*, *Chiêu Quân công Hồ*, *Ông Trương Tiên Bừu*, *Thằng Lãnh bán heo*.

Năm 2015, Nguyễn Văn Sâm tiếp tục “Giới thiệu một thơ hậu: *Hậu Trần Minh Khố Chuối*”. Tác giả gọi truyện thơ Quốc ngữ Nam Kỳ là “truyện thơ bình dân viết bằng Quốc ngữ” và khẳng định giá trị của “thơ hậu”: Thơ hậu từng có ích cho dân tộc cần được nâng niu. Một thời chúng đã sùi âm tình cảm cho biết bao người ở chốn xa xôi, đã là lời dạy đạo đức mà người được dạy đã thấm vào tâm thức sâu kiểu mưa dầm ướm đất một cách toại nguyện biết bao nhiêu thế hệ rồi, những kết quả tốt đẹp đó truyền chuyển tới bây giờ vẫn còn (Nguyễn Văn Sâm, 2015).

“Thơ hậu” ra đời khi người Nam Kỳ đã quá quen và có phần nhàm chán với các truyện “thơ xưa”, họ có nhu cầu thay đổi một món ăn tinh thần đã cũ bằng một món ngon mới. Nắm bắt nhu cầu đó, các hiệu sách “đặt hàng” cho tác giả “làm mới” các truyện “thơ xưa” và viết tiếp “thơ hậu”. Người ta dùng cái kết của các truyện “thơ xưa” để mở đầu tác phẩm thơ hậu. Câu chuyện lại tiếp tục được kể xoay quanh nhân vật chính và con cái, thế hệ sau của họ. Sự ra đời của thơ hậu góp phần kéo dài thời kì thịnh hành của truyện thơ Quốc ngữ Nam Kỳ thêm 2 thập kỉ sau đó.

Năm 2012, Nguyễn Văn Hầu ra mắt độc giả công trình *Văn học miền Nam Lục tỉnh* với 3 tập sách khá dày dặn. Trong tập 1 *Miền Nam và văn học dân gian địa phương*, Nguyễn Văn Hầu bổ sung phần tóm tắt và trích đoạn một số tác phẩm như: *Thơ Dương Ngọc*, *Lâm Sanh Xuân Nuong*, *Trần Minh khố chuối*, *Sáu Trọng*, *Cậu Hai Miên*.

Năm 2014, trong *Văn học miền Nam*, Huỳnh Ái Tông đã dành gần 20 trang để giới thiệu truyện thơ Quốc ngữ. Ông liệt kê hơn 80 tác phẩm truyện thơ Quốc ngữ được xuất



bản ở Nam Kỳ đầu thế kỉ XX. Trên cơ sở danh mục này, chúng tôi đã tìm kiếm và sưu tầm hàng trăm truyện thơ Quốc ngữ Nam Kỳ.

Trong luận văn thạc sĩ *Nói thơ và truyện thơ Nôm quốc ngữ Nam Bộ cuối thế kỉ XIX – đầu thế kỉ XX*, chúng tôi đã khảo sát, phân tích và giới thiệu tóm tắt 14 truyện thơ quốc ngữ được xuất bản ở Sài Gòn đầu thế kỉ XX. Đây là bước đi đầu tiên trong hành trình nghiên cứu của bản thân. Năm 2011, chúng tôi tiếp tục giới thiệu đến độc giả một tác phẩm thơ tuồng Quốc ngữ “*Tứ đại kì thơ - Truyện thơ tuồng quốc ngữ Nam Bộ - tác phẩm cải biên của Tam quốc diễn nghĩa*” trong *Hội thảo khoa học quốc tế “Việt Nam và Trung Quốc – Những quan hệ văn hóa, văn học trong lịch sử*.

Năm 2016, trong *Hội thảo khoa học Những vấn đề văn học và ngôn ngữ Nam Bộ*, một số nhà nghiên cứu có bài viết về truyện thơ Quốc ngữ, như: Lê Thị Thanh Vy với bài viết “*Truyện Tám Cám ở Nam Bộ*” và Nguyễn Minh Huệ với bài “*Truyện thơ Quốc ngữ cuối thế kỉ XIX đầu thế kỉ XX trong mối tương quan với văn xuôi Quốc ngữ*”.

Giai đoạn từ năm 1975 đến nay, truyện thơ Quốc ngữ Nam Kỳ thu hút nhiều sự quan tâm của các nhà nghiên cứu văn học Nam Kỳ, như: Sơn Nam, Hoài Anh, Thành Nguyên, Hồ Sĩ Hiệp, Nguyễn Q. Thắng, Bằng Giang, Huỳnh Ngọc Trảng, Nguyễn Hữu Hiệp, Lê Minh Quốc, Bảo Định Giang, Nguyễn Văn Sâm, Huỳnh Ái Tông... Ngoài những bài nghiên cứu, họ đã sưu tầm và giới thiệu một số tác phẩm truyện thơ Quốc ngữ Nam Kỳ có chú thích, như: Thầy Thông Chánh, Sáu Trọng, Cậu Hai Miên, Văn Doan diễn ca, Trương Ngáo... Tuy nhiên, những công trình nghiên cứu, sưu tầm truyện thơ Quốc ngữ Nam Kỳ chủ yếu vẫn là nhóm truyện thơ thời sự.

#### 4. Kết luận

Từ kết quả khảo sát các công trình nghiên cứu trên, chúng ta nhận thấy rằng những người đi trước đã bước những bước đầu tiên, đặt nền móng cho việc nghiên cứu truyện thơ Quốc ngữ Nam Kỳ cuối thế kỉ XIX đến năm 1945. Càng về sau, các nhà nghiên cứu càng quan tâm đến việc sưu tầm truyện thơ Quốc ngữ và bước đầu đã giới thiệu một số ấn phẩm quý như: thơ Trương Ngáo, *Chàng Nhái Kiền Tiên*, *Hậu Chàng Nhái*, *Hậu Trần Minh*, thơ Sáu Trọng, thơ Cậu Hai Miên. Chúng tôi tin còn nhiều ấn phẩm độc đáo khác đã được tìm thấy nhưng chưa được các nhà nghiên cứu công bố. Những kết quả trên đã là động lực để chúng tôi tiếp nối công việc của người đi trước là sưu tầm, giới thiệu truyện thơ Quốc ngữ Nam Kỳ.

Trước năm 1975, các công trình, bài viết của giới nghiên cứu xuất thân miền Nam chỉ tập trung nghiên cứu các bản thơ thời sự. Giai đoạn sau năm 1975 đến nay, tình hình nghiên cứu có phần sôi động hơn, truyện thơ Quốc ngữ được nhiều người biết đến. Tuy nhiên, những kết quả đạt được chỉ mới chạm đến bề mặt của vấn đề hoặc nghiên cứu một bộ phận nhỏ của loại hình văn chương này.

Qua khảo sát tình hình nghiên cứu, chúng tôi thấy có nhiều cách gọi khác nhau dành cho bản thơ thời sự, người thì gọi là “thơ bình dân”, người khác gọi là “vè”, thỉnh thoảng

lại có người gọi là “ca dao”. Các nhà nghiên cứu như: Sơn Nam, Phạm Long Điền, Nguyễn Văn Hầu đều xem truyện thơ Quốc ngữ Nam Kỳ là “thơ” và gọi là “thơ bình dân”; nhưng cũng có một vài người khác như Nguyễn Liên Phong, Cao Huy Đình, Huỳnh Ngọc Trảng xuất phát từ quan điểm cá nhân hoặc từ góc độ nghiên cứu của họ, cho rằng những bản thơ thời sự là “vè”. Chúng tôi xác định loại hình văn chương này là “thơ” và dựa vào đề tài phản ánh là những sự kiện có thực trong lịch sử - xã hội nên gọi là “thơ thời sự”. Thơ thời sự đã góp phần quan trọng, tạo nên nét đặc sắc riêng cho truyện thơ Quốc ngữ Nam Kỳ.

Kế thừa những ý kiến của các thế hệ đi trước, chúng tôi tiếp tục sưu tầm, giới thiệu và nghiên cứu các ấn phẩm văn chương này với mong muốn khẳng định lại giá trị của nó trong đời sống tinh thần của người dân Nam Kỳ đầu thế kỉ XX, góp phần khơi dậy niềm yêu thích của người Nam Kỳ đối với loại hình văn chương này.

❖ *Tuyên bố về quyền lợi: Tác giả xác nhận hoàn toàn không có xung đột về quyền lợi.*

#### TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Hoài Anh, Thành Nguyên, Hồ Sĩ Hiệp. (1988). *Văn học Nam Bộ từ đầu đến giữa thế kỉ XX (1900-1954)*. TPHCM: NXB Thành phố Hồ Chí Minh.
- Phạm Long Điền. (1974). Hai tập thơ bình dân đã làm rung rinh chế độ thực dân miền Nam vào đầu thế kỉ XX. *Tạp chí Bách khoa*, số 412, tr. 24-27.
- Cao Huy Đình. (1998). *Bộ ba tác phẩm nhận giải thưởng Hồ Chí Minh: Tìm hiểu tiến trình văn học dân gian Việt Nam*. Hà Nội: NXB Văn hóa - Thông tin.
- Bằng Giang. (1992). *Văn học quốc ngữ ở Nam Kỳ 1865-1930*. TPHCM: NXB Trẻ.
- Nguyễn Văn Hầu. (1974). Thơ trong phong trào nói thơ miền Nam có một số tác phẩm mang tính chất đối kháng. *Bách Khoa*, số 415-416, tr.23-27, tr.27-34.
- Nguyễn Văn Hầu. (2004). *Điện mạo văn học dân gian Nam Bộ* (2 tập). TPHCM: NXB Trẻ.
- Nguyễn Văn Hầu. (2012). *Văn học miền Nam lục tỉnh* (3 tập). TPHCM: NXB Trẻ.
- Nguyễn Hữu Hiệp, Lê Minh Quốc sưu tầm và giới thiệu (1998). *Thơ Thầy Thông Chánh, Sáu Trọng, Hai Miêng: Lưu hành tại Nam kì đầu thế kỉ XX*. TPHCM: NXB Trẻ.
- Kiều Thu Hoạch. (2007). *Truyện Nôm - lịch sử phát triển và thi pháp thể loại*. Hà Nội: NXB Giáo dục.
- Nguyễn Minh Huệ. (2016). *Truyện thơ Quốc ngữ cuối thế kỉ XIX đầu thế kỉ XX trong mối tương quan với văn xuôi Quốc ngữ*. TPHCM: NXB Đại học Quốc gia TPHCM. Hội thảo khoa học Những vấn đề văn học và ngôn ngữ Nam Bộ.
- Đặng Thai Mai. (1974). *Văn thơ cách mạng Việt Nam đầu thế kỉ XX (1900-1925)*. Hà Nội: NXB Văn học.
- Sơn Nam. (1967). *Nói về miền Nam*. Sài Gòn: NXB Lá Bối.
- Sơn Nam. (2014). *Đặng bằng sông Cửu Long - Nét sinh hoạt xưa và Văn minh miệt vườn*. TPHCM: NXB Trẻ.

- Sơn Nam. (2014). *Nói về miền Nam, cá tính miền Nam và thuần phong mỹ tục Việt Nam*. TPHCM: NXB Trẻ.
- Sơn Nam. (2015). *Phong trào Duy Tân ở Bắc, Trung, Nam và Miền Nam đầu thế kỉ XX: Thiên Địa Hội và cuộc Minh Tân*. TPHCM: NXB Trẻ.
- Nguyễn Liên Phong. (1909). *Nam Kỳ phong tục nhơn vật điển ca*. Sài Gòn: Nhà in Phát Toán.
- Nguyễn Văn Sâm. (2006). *Chàng Nhái – Chăn Tinh: Tản mạn về một truyện thơ ở đồng bằng Cửu Long*. *Tuyển tập Nguyễn Văn Sâm*. Truy cập ngày 05/10/2017.  
<https://sites.google.com/site/nkltnguyenvansam/tuyen-tap/van-hoc---bien-khao/chang-nhai---chang-tinh-tan-man-ve-mot-truyen-tho-o-dong-bang-cuu-long>
- Nguyễn Văn Sâm. (2009). *Thơ bình dân Trương Ngáo hay Người đi đòi nợ Phạt*. *Tuyển tập Nguyễn Văn Sâm*. Truy cập ngày 05/10/2017.  
[https://sites.google.com/site/nkltnguyenvansam/tuyen-tap/van-hoc---bien-khao/tho-binh-dan-truong-ngao-hay-nguoi-dhi-dhoi-no-phat](https://sites.google.com/site/nkltnguyenvansam/tuyen-tap/van-hoc---bien-khao/tho-binh-dan-truong-ngao-hay-nguoi-di-doi-no-phat)
- Nguyễn Văn Sâm. (2012). *Người hùng Bình Định nổi loạn Trông Mây (Thơ tuồng Chàng Lía – Văn Đoàn)*. California: NXB Viện Việt - Học.
- Nguyễn Văn Sâm. (2015). *Giới thiệu một thơ hậu: Hậu Trần Minh khổ chuối*. *Tuyển tập Nguyễn Văn Sâm*. Truy cập ngày 05/10/2017.  
<https://sites.google.com/site/nkltnguyenvansam/tuyen-tap/van-hoc---bien-khao/van-hoc-bien-khao-nguyen-van-sam>
- Cừ Hoành Sơn. (1935). *Cha Hồ chú Nhẫn*. Sài Gòn: Nhà in Xưa Nay.
- Cừ Hoành Sơn. (1936). *Thơ Thằng Lía*. Sài Gòn: Nhà in Xưa Nay.
- Nguyễn Q. Thắng. (1998). *Tiến trình văn nghệ miền nam*. Hà Nội: NXB Văn học.
- Huỳnh Ái Tông. (2014). *Văn học miền Nam*. USA: NXB Phật học. Truy cập 05/10/2017.  
[http://chimviet.free.fr/vanhoc/phuctrun/HuynhAiTong\\_VanHocMN.pdf](http://chimviet.free.fr/vanhoc/phuctrun/HuynhAiTong_VanHocMN.pdf)
- Huỳnh Ngọc Trảng. (2006). *Về Nam Bộ*. Đồng Nai: NXB Tổng hợp Đồng Nai.
- Lư Nhất Vũ, Lê Giang. (1983). *Tìm hiểu dân ca Nam Bộ: chuyên khảo*. TPHCM: NXB Thành phố Hồ Chí Minh.
- Dương Mỹ Thắm. (2009). *Nói thơ và truyện thơ Nôm quốc ngữ Nam Bộ cuối thế kỉ XIX – đầu thế kỉ XX*. Luận văn thạc sĩ Trường ĐH KHXH&NV – ĐH Quốc gia TPHCM.
- Dương Mỹ Thắm. (2011). *Từ đại kì thơ - Truyện thơ tuồng quốc ngữ Nam Bộ - tác phẩm cải biên của Tam quốc diễn nghĩa*. TPHCM: ĐH KHXH&NV TPHCM. Hội thảo Khoa học quốc tế Việt Nam và Trung Quốc – Những quan hệ văn hóa, văn học trong lịch sử.
- Lê Thị Thanh Vy. (2016). *Truyện Tấm Cám ở Nam Bộ*. TPHCM: NXB Đại học Quốc gia TPHCM. Hội thảo khoa học Những vấn đề văn học và ngôn ngữ Nam Bộ.

<sup>1</sup> Tập biên khảo được in lại trong *Phong trào Duy Tân ở Bắc, Trung, Nam và Miền Nam đầu thế kỉ XX: Thiên Địa Hội và cuộc Minh Tân*.

<sup>2</sup> Tập biên khảo được in lại trong *Nói về miền Nam, cá tính miền Nam và thuần phong mỹ tục Việt Nam*.

<sup>3</sup> Sách được in lại trong *Bộ ba tác phẩm nhận giải thưởng Hồ Chí Minh: Tìm hiểu tiến trình văn học dân gian Việt Nam*.

<sup>4</sup> Tập biên khảo được in lại trong *Đồng bằng sông Cửu Long – Nét sinh hoạt xưa và Văn minh miệt vườn*.

<sup>5</sup> Sách được in lần thứ 2 năm 1998.